Nâng cao vốn từ vựng của bạn với English Vocabulary in Use từ cungdaythang.com.**Học các từ bạn cần giao tiếp một cách tự tin.**
Bạn đang xem: Heterogeneous là gì
However, our formulation generalizes the standard learning rule (10) in a way that admits *heterogeneous* learning and still permits us to obtain formal results.
Because my research started out by locating sufficient conditions for stability in *heterogeneous* capital goods models, and that problem still fascinates me to this day.
Although we sometimes refer to the third persons as a group, it is clear that this group is *heterogeneous*.
I have therefore sought to identify patterns within a *heterogeneous* body of sources on scholars" lives – normative blueprints, anecdotes, correspondence, and autobiographies.
And energy recovered from the *heterogeneous* fuel of rubbish struggles to be economically competitive.
The stationary sunspot equilibria of a simple overlapping generations economy with *heterogeneous* agents are considered.
In the present paper, agents have *heterogeneous* beliefs, but the existence of periodic equilibria is not threatened. 10.
As a consequence, viral populations are *heterogeneous* and dynamic structures composed by ensembles of different genomes evolving in response to environmental alterations.
Official lists were thus often *heterogeneous* and the victory of the government at elections was not always predetermined.
The result of disrupting this process is the severe *heterogeneous* symptoms characteristic of schizophrenia.
These prospects have been frustrated, however, by the disorganized and *heterogeneous* nature of development in culture.
Traditionally, variances in robots within a team were classified only as *heterogeneous* or homogeneous.
He defines the *heterogeneous* products as interventionist products that protect defined interests and/or supersede voluntary transactions.
Xem thêm: thời gian sắp tới tiếng anh là gì
In this paper, we defined a logical framework for modeling queries, updates and update propagation against a set of *heterogeneous* knowledge bases.
Các quan điểm của các ví dụ không thể hiện quan điểm của các biên tập viên cungdaythang.com cungdaythang.com hoặc của cungdaythang.com University Press hay của các nhà cấp phép.
a circular or oval area of ground around which rows of seats are arranged on a steep slope, for watching plays, sports, etc. outside
Về việc này

Phát triển Phát triển Từ điển API Tra cứu bằng cách nháy đúp chuột Các tiện ích tìm kiếm Dữ liệu cấp phép
Giới thiệu Giới thiệu Khả năng truy cập cungdaythang.com English cungdaythang.com University Press Quản lý Sự chấp thuận Bộ nhớ và Riêng tư Corpus Các điều khoản sử dụng {{/displayLoginPopup}} {{#notifications}} {{{message}}} {{#secondaryButtonUrl}} {{{secondaryButtonLabel}}} {{/secondaryButtonUrl}} {{#dismissable}} {{{closeMessage}}} {{/dismissable}} {{/notifications}}
English (UK) English (US) Español Español (Latinoamérica) Русский Português Deutsch Français Italiano 中文 (简体) 正體中文 (繁體) Polski 한국어 Türkçe 日本語 Tiếng Việt

Xem thêm: Cách Bổ Dưa Hấu Đẹp Mắt – Cách Bổ Dưa Hấu Nhanh, Đẹp Mắt
English (UK) English (US) Español Español (Latinoamérica) Русский Português Deutsch Français Italiano 中文 (简体) 正體中文 (繁體) Polski 한국어 Türkçe 日本語
Chuyên mục: Hỏi Đáp

THAM KHẢO THÊM: https://bongdanews.top/
The post " Heterogeneous Là Gì – Heterogeneous Là Gì, Nghĩa Của Từ Heterogeneous appeared first on BONGDANEWS.TOP.

via BONGDANEWS.TOP
https://bongdanews.top/heterogeneous-la-gi-heterogeneous-la-gi-nghia-cua-tu-heterogeneous/